TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 250/2021/DS-PT
Ngày: 17/6/2021
Về "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Thanh Bình.
- *Các Thẩm phán*: Ông Mai Tiến Dũng
Ông Trương Chí Anh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vương Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 142/2021/TLPT-DS ngày 08/4/2021 về *"Tranh chấp đòi tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 05+09/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2021/QĐXXPT-DS ngày 28/4/2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn K2, xã S, thị xã S, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992, địa chỉ: số 44, ngõ 282 L, phường B, Tây Hồ, Hà Nội.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đinh Thị D – Công ty luật TNHH DH, Đoàn luật sư TP Hà Nội, địa chỉ: số 44, ngõ 282 L,phường B, Tây Hồ, Hà Nội.

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện B, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị Phạm Thị H**,** sinh năm 1982; Địa chỉ: P924 Tòa nhà C, tổ hợp T và căn hộ P, số 102 T, phường K, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Thôn S, xã S, thị xã T, thành phố Hà Nội.

2. Anh Khúc Minh H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số 12 P, phường NT, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị H, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Bà Bùi Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:***

Bà Đỗ Thị H và bà Bùi Thị T có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Năm 2003 bà H và bà T có góp vốn mua chung đất. Ngày 03/04/2003 bà H đã đưa số tiền 24.000.000 đồng cho bà T để mua 2 sào đất Làng Cũ. Đến ngày 12/8/2003 lại đưa cho bà T số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 14/08/2003 đưa cho bà T tiếp số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 04/09/2003 lại đưa cho bà T số tiền 20.000.000 đồng để mua chung đất nhà ông L. Ngày 01/06/2005 bà H có cho bà T vay số tiền: 17.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, bà T nói miệng hẹn 10 ngày sau sẽ trả số tiền trên nhưng quá 10 ngày bà T không trả tiền. Do là chị em chơi thân nên bà T chỉ viết giấy tay. Tổng số tiền bà H đưa cho bà T vay và mua chung đất là: 71.000.000 đồng. Bà H có đến nhà bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bà T không trả và cố tình trốn tránh.

Bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền như sau:

- Đối với số tiền 24.000.000 đồng yêu cầu trả lại số tiền gốc và lãi 1,5% tháng là: 61.200.000 đồng tính từ ngày nhận tiền cho đến nay. Tổng cộng gốc và lãi là 85.200.000 đồng.

- Đối với số tiền 17.000.000 đồng yêu cầu trả lại số tiền gốc và lãi 1,5% tháng là 38.250.000 đồng tính từ ngày 16/06/2005 cho đến nay. Tổng cộng gốc và lãi: 55.250.000 đồng

- Đối với số tiền mua chung đất nhà ông L 30.000.000 đồng, bà T đã bán đất cho anh H nhưng không trả tiền cho bà H. Nay bà H yêu cầu bà T phải trả cho bà H số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi do bán đất là 270.000.000 đồng. Tổng cộng bà H yêu cầu bà T trả số tiền là 300.000.000 đồng.

Bà T có nói việc gộp tiền lãi bán đất và mua đất Ao Sen và trả cho bà H 80 triệu, nợ lại số tiền 70 triệu thì bà H không công nhận vì đất Ao Sen không liên quan trong vụ án này.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Thị T trình bày**:

Bà T và bà H có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Năm 2002 bà H muốn góp vốn mua chung đất với bà T và đưa tiền cho bà T làm nhiều lần vào các ngày sau: Ngày 03/04/2003 đưa 24.000.000 đồng, ngày 12/8/2003 đưa 5.000.000 đồng, ngày 14/08/2003 đưa 5.000.000 đồng, ngày 04/09/2003 đưa 20.000.000 đồng để mua chung đất nhà ông Lâm. Ngày 01/06/2005 bà T có vay của bà H số tiền:

17.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Tổng số tiền bà H đưa cho bà T là 71.000.000 đồng là đúng. Sau đó hai bên có thỏa thuận thống nhất dồn lại thành tiền để mua chung đất nhà ông Kiều Văn Khuyến, bà Kiều Thị Hòa, ông Quang, ông Soóc, bà Thực toàn bộ khu đất Ao Sen tại thôn K, xã S, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Thời gian sau thì có khách mua mảnh đất này nhưng bà T không bán và đã tính chia gốc, lãi cho bà H được 150.000.000 đồng. Sau đó bà T đã mua lại phần của bà H với số tiền mà bà H được trả là 150.000.000 đồng. Bà T đã trả cho bà H được 80.000.000 đồng còn lại 70.000.000 đồng bà T ghi nợ vào sổ của bà H. Do bà T làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho bà H. Bà T phải trả lãi 10%/tháng cho bà H. Bà T trả được đến năm 2007 thì không trả được nữa. Năm 2010 bà H đã kiện bà T ra công an xã Kim Sơn và công an xã Kim Sơn đã chuyển hồ sơ lên công an thị xã Sơn Tây giải quyết. Quan điểm của bà T về khoản vay trên là hiện nay bà T đang được công an thị xã Sơn Tây làm việc về việc mua chung đất tại khu Ao Sen, thôn Kim Đái 2, xã Kim Sơn thì bà T không thể lên Tòa làm việc được. Bà T sẽ trả số tiền trên cho bà H khi bà T giải quyết xong tại công an thị xã Sơn Tây nếu đúng là bà H góp tiền mua chung đất ở Ao Sen thì bà T không trả cho bà H tiền nữa. Khi đó bà T buộc bà H phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho bà T.

Nay bà H khởi kiện, ý kiến của bà T như sau:

- Đối với diện tích đất làng cũ bà H không cung cấp được giấy tờ mua chung đất với Tơ và bà T cũng không công nhận mua chung đất với bà H. Do đó không chấp nhận yêu cầu của bà H. Chỉ thanh toán lại tiền gốc 24.000.000 đồng.

- Đối với diện tích đất nhà ông Lâm: Do bà T đã mua riêng với ông Lâm trước thời điểm nhận tiền của bà H nên không có việc mua chung đất. Việc nhận tiền của bà H là để mua thêm ở chỗ khác nhà ông Lâm nhưng không mua được nên không chấp nhận yêu cầu của bà H. Chỉ thanh toán lại tiền gốc.

- Đối với số tiền 17.000.000 đồng bà T đã vay thì bà T chấp nhận trả số tiền gốc cho bà H nhưng không chấp nhận trả lãi cho bà H. Do đã hết thời hiệu khởi kiện đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để không tính lãi suất đối với khoản vay trên.

Như vậy bị đơn đồng ý trả cho bà H số tiền 71.000.000 đồng cụ thể: số tiền vay 17.000.000 đồng đồng ý trả gốc không tính lãi vì hết thời hiệu khởi kiện. Số tiền 24.000.000 đồng đồng ý trả gốc không trả lãi. Số tiền 30.000.000 đồng đồng ý trả gốc không trả lãi và tiền chênh lệch bán đất cho anh H vì đây là bà T mua riêng của ông Lâm từ trước không liên quan đến bà H.

* **Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K** trình bày như sau: Bà là vợ của ông Nguyễn Duy Lâm, ông Lâm đã chết ngày 10/01/2009. Về nguồn gốc đất mà ông Lâm bán cho bà T là do vợ chồng bà khai hoang tại dệ bờ hồ Đồng Mô, diện tích khai hoang bao nhiêu thì bà không biết. Khi vợ chồng bà khai hoang diện tích đất trên, các con bà còn nhỏ không có đóng góp công sức gì.

Diện tích đất khai hoang trên chính quyền địa phương không quản lý. Việc chồng bà bán đất cho bà T, bà không biết bán với giá bao nhiêu tiền và hai bên có viết giấy bán đất cho nhau. Sau này bà được ông Lâm kể lại bán đất cho bà T, bà không phải người bán đất trực tiếp cho bà T. Nay ông Lâm đã chết, bà không còn giấy tờ mua bán đất để cung cấp cho Toà án. Bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hoà giải, xét xử.

* Anh Khúc Minh Hoàng đã được Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H không có mặt tại Toà án để làm việc liên quan đến việc anh mua đất của bà T tại xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây. Toà án đã tiến hành xác minh tại Công an phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội về địa chỉ của anh Khúc Minh Hoàng, sinh năm 1977, tại số 12 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội thì được biết anh H có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ L, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội. Hiện nay anh H không cư trú tại địa chỉ trên, anh H đang ở đâu không rõ. Hiện nay tại địa chỉ trên chỉ có bố mẹ anh H đang sinh sống nên không lấy được lời khai của anh H.

* **Bà Mai Thị D - trưởng thôn Nghĩa Sơn** cho biết: Khoảng năm 1998 HTX Nông nghiệp Kim Sơn giao khoán đất trồng rừng cho ông Nguyễn Duy Lâm, đất nằm dệ hồ Đồng Mô. Năm 2009 ông Lâm chết thì bà Nguyễn Thị Kim vợ ông Lâm đứng ra quản lý đất trên, diện tích đất bao nhiêu thì bà không rõ. Bà được biết ông Lâm có bán đất cho bà Bùi Thị Tơ, bà T có làm nhà trên diện tích đất trên, hiện nay bà T đã bán diện tích đất trên cho người ở địa phương khác đến, giá đất bao nhiêu thì bà không biết. Người chủ mới đã đến trồng cây ở diện tích đất này.

* Ông Lê Quang L - cán bộ địa chính xã Kim Sơn cho biết diện tích đất thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 05. Bản đồ 2002-2003 loại đất ĐM, diện tích đất 4.859,1 m^2 theo bản đồ và sổ mục kê của UBND xã Kim Sơn.

* Biên bản xác minh 28/08/2020, UBND xã Yên Bài cung cấp: Nguồn gốc đất làng cũ là do Thủ tướng chính phủ thu hồi giao cho trường Sỹ quan Lục quân I làm dự án trường bắn Đồng Doi. Đất Làng Cũ là do các hộ dân tự đến khai hoang và canh tác làm nhà trên đất quốc phòng. Hiện nay xã chỉ quản lý về mặt hành chính việc bà T có trao đổi mua bán đất giữa các hộ dân đều không thông qua chính quyền địa phương. Hiện nay diện tích đất mà bà T đã mua của các hộ dân nằm trong sự quản lý của trường sỹ quan Lục quân I.

* Đại diện Trường Sỹ quan lục quân I cung cấp: Diện tích đất của bà Bùi Thị Tơ là đất khai hoang trên đất quốc phòng lâu năm. Diện tích đất đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt, quy hoạch thuộc trường bắn Đồng Doi. Hiện nay do chưa có kinh phí để thực hiện dự án nên trường Sỹ quan lục quân I chưa tiến hành thu hồi đất và chưa có hỗ trợ.

* Tại Biên bản xác minh ngày 10/07/2020, Công an thị xã Sơn Tây cung cấp nội dung: Cơ quan điều tra – Công an thị xã Sơn Tây không tiếp nhận và thụ

lý đơn của bà Đỗ Thị Hiện tố giác bà Bùi Thị Tơ liên quan đến việc bà H cho vay 71.000.000 đồng và góp vốn mua chung đất.

* Công an thị xã Sơn Tây cung cấp những giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng đất giữa bà T và anh H gồm: Giấy chuyển nhượng đất ngày 24/04/2020; Vi bằng lập ngày 29/04/2020 giữa bà T và anh H (giá mua bán viết tay với nhau là 1.750.000.000 đồng); Văn bản thoả thuận về tài sản ngày 29/04/2020; Giấy đặt cọc tiền mua đất ngày 24/04/2020; Giấy bàn giao nhà đất ngày 14/05/2020; Giấy chuyển nhượng đất và cây giữa ông Lâm và bà T ngày 04/08/2003; Giấy chuyển nhượng đất khai hoang giữa bà Kim và bà T ngày 02/12/2010.

Với nội dung như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 05+09/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hiện đối với bà Bùi Thị Tơ.

2/ Buộc bà Bùi Thị Tơ phải trả cho bà Đỗ Thị Hiện tổng số tiền 136.300.548 đồng. Làm tròn là 136.300.500 đồng *(Một trăm ba sáu triệu ba trăm nghìn năm trăm đồng)*

3/ Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4/ Giành quyền khởi kiện cho anh Khúc Minh Hoàng bằng một vụ án khác đối với phần quyền lợi có liên quan trong vụ án này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 19/2/2021 bà Nguyễn Thị Hiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08/3/2021 bà Bùi Thị Tơ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc tính thời gian chậm trả và mức lãi suất để tính tiền lãi của số tiền 71.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Yến là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đòi 30.000.000 đồng mà phía nguyên đơn cho rằng là khoản tiền bà H và bà T cùng mua chung đất nhà ông Nguyễn Duy Lâm. Đối với số tiền vay 24.000.000 đồng ngày 03/04/2003 nguyên đơn đề nghị giữ nguyên nội dung án sơ thẩm. Đề nghị tính lại lãi suất đối với số tiền 17.000.000 đồng ngày 16/06/2005.

Chị Hường là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đồng ý với việc rút 1 phần đơn khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị tính lại lãi suất đối với số tiền vay 24.000.000 đồng và 17.000.000 đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nộp trong thời hạn, đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về các nội dung kháng cáo:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng theo quy định pháp luật.

Hình thức kháng cáo hợp lệ do những người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, kháng cáo nằm trong thời hạn quy định; về nội dung, kháng cáo nằm trong phạm vi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Về hướng giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà H không có căn cứ để chấp nhận; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T về việc tính số ngày chậm trả và mức lãi suất, cần sửa bản sơ thẩm về số ngày chậm trả, lãi suất, tính số tiền bà T phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

1]. Về tố tụng:

* *Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Hiện và bà Bùi Thị Tơ kháng cáo được làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho tất cả các đương sự trong vụ án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

* *Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa bà Đỗ Thị Hiện và bà Bùi Thị Tơ phát sinh từ các giao dịch vay nợ và góp tiền mua chung đất nên được xác định là tranh chấp đòi tài sản.

* *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Bùi Thị Tơ có địa chỉ tại: Thôn Quảng Phúc, xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm

quyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

* *Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện:* Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung :

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng bà H cho rằng là tiền góp vốn mua chung đất nhà ông Lâm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà H đã rút yêu cầu khởi kiện về phần này. Việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phía bị đơn đồng ý với việc nguyên đơn rút 1 phần đơn khởi kiện nêu trên, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đòi 30.000.000 đồng này của nguyên đơn.

Xét thấy lời trình bày của bà H và bà T và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện việc bà H đã cho bà T vay tiền nhiều lần, tổng số tiền là 71.000.000 đồng *(Bảy mươi mốt triệu đồng)*, gồm số tiền 24.000.000 đồng, bà H đưa bà T ngày 03/4/2003 để mua đất làng cũ; số tiền 30.000.000 đồng bà H đưa cho bà T để mua chung đất nhà ông Lâm (đưa làm 03 lần: Ngày 12/8/2003, bà H đưa 5.000.000 đồng, ngày 14/8/2003, bà H đưa 5.000.000 đồng. ngày 04/9/2003, bà H đưa 20.000.000 đồng) và số tiền 17.000.000 đồng bà H cho bà T vay ngày 01/6/2005. Khi vay tiền trong giấy vay tiền không ghi lãi, không kỳ hạn trả tiền, khi đưa tiền các bên chỉ viết giấy tay, bà T thừa nhận bà ký vào các giấy vay tiền trên và không bị cưỡng bức, đe dọa khi ký vào giấy vay. Như vậy, giấy vay tiền giữa bà H và bà T có giá trị về mặt pháp lý.

1. Đối với số tiền 24.000.000 đồng bà H đưa cho bà T mua đất làng cũ, xác định đây là thỏa thuận góp vốn mua chung đất giữa bà H và bà T. Do bà H không xác định được bà T mua đất làng cũ của ai và bà T không thông báo với bà H đã mua đất của ai với số tiền bao nhiêu nên không có căn cứ tính lãi khi bà T bán đất làng cũ. Việc bà T mua bán đất làng cũ không thông qua chính quyền địa phương nên không thể khẳng định việc bà T đã mua được đất làng cũ và đất của bà T là đất khai hoang lâu năm thuộc trường bắn Đồng Doi, hiện nay Trường sỹ quan Lục quân I chưa thực hiện việc thu hồi và hỗ trợ đối với dự án Trường bắn Đồng Doi nên việc bà H đòi lại số tiền góp vốn mua chung là có căn cứ, tuy nhiên không chấp nhận khoản tiền lãi tính trên lãi suất 1,5%/tháng là 61.200.000 đồng tính từ ngày nhận tiền 03/4/2003 đến ngày 05/02/2021. Bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 24.000.000 đồng

và số tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm bà T thừa nhận có tranh chấp là năm 2010 nên lấy thời điểm tháng 12/2010 để tính thời điểm chậm trả, thời gian chậm trả tính từ ngày 01/12/2010 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 09/02/2021 là 3.724 ngày.

Căn cứ Điều 467, 468, 470, 474 BLDS 1995, *điểm c mục 1 Điều 2*, mục 1 Điều 3 và điểm a mục 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2016 là 2.223 ngày), căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất 10%/năm (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 09/02/2021 là 1.501 ngày).

Số tiền chậm trả là (24.000.000đ x 2223 ngày x 9%/năm) + (24.000.000đồng x 1501 ngày x 10%/năm) = 13.155.287đồng + 9.869.589đồng = 23.024.876 đồng.

Như vậy, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 24.000.000 đồng và số tiền chậm trả 23.024.876 đồng, tổng là 47.024.876 đồng.

2. Đối với số tiền bà H cho bà T vay 17.000.000 đồng ngày 01/6/2005, đây là Hợp đồng không xác định thời hạn và không thỏa thuận về lãi vay. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 18/6/2020 của bà Bùi Thị Tơ tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, bà T thừa nhận có vay của bà H số tiền 17.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đây là trường hợp được tính bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện do "bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện". Do đó, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 19/6/2020 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại K2 Đ468 BLDS 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...

Theo bà H thì hai bên thỏa thuận miệng 10 ngày bà T sẽ trả nợ cho bà nhưng không có căn cứ chứng minh nên xác định bà T phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 17.000.000đồng và số tiền chậm trả tính từ ngày 01/12/2010 đến ngày 09/02/2021 với lãi suất 9%/năm (từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2016 là 2.223 ngày) và lãi suất 10%/năm (từ ngày 01/01/2017 đến 09/02/2021 là 1.501 ngày).

Số tiền chậm trả là (17.000.000đ x 2223 ngày x 9%/năm) + (17.000.000 đồng x 1501 ngày x 10%/năm) = 9.318.328 đồng + 6.990.958 đồng = 16.309.286 đồng

Như vậy, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 17.000.000 đồng và số tiền chậm trả 16.309.286đồng, tổng là 33.309.286đồng.

3. Đối với số tiền 30 triệu đồng bà H đưa cho bà T để góp vốn mua chung đất nhà ông Lâm. Hiện việc bà T giao dịch, mua bán với ông Lâm không rõ ràng, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, đất không rõ diện tích, loại đất. Việc bà T giao dịch với ông Hoàng cũng chỉ là giấy viết tay chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận nên chưa có căn cứ để xác định việc mua bán nhà đất giữa bà T với ông Lâm và giữa bà T với ông Hoàng nên buộc bà T phải trả lại số tiền góp vốn cho bà H và số tiền chậm trả thời điểm và lãi suất tương tự như trường hợp trên

Số tiền chậm trả là (30.000.000đồng x 2223 ngày x 9%/năm) + (30.000.000đồng x 1501 ngày x 10%/năm) = 16.444.109đồng + 12.336.986đồng = 28.781.095đồng

Như vậy, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 30.000.000đồng và số tiền chậm trả 28.781.095đ, tổng là 58.781.095đồng

Tổng cộng bà T phải trả cho bà H tổng số tiền: 47.024.876 đồng + 33.309.286đồng + 58.781.095đồng = 139.115.257đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 71.000.000 đồng, nhưng không chấp nhận phần lãi do bà H yêu cầu đối với nợ trên, lãi suất chỉ tính theo lãi suất của ngân hàng từ thời điểm 01/12/2010 đến thời điểm xét xử và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 270 .000.000 đồng tiền lãi do bà T bán đất là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bản án sơ thẩm của Tòa án tính sai số ngày chậm trả: Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 09/02/2021 chỉ là 3.723 ngày, không phải 3.730 ngày như trong bản án, bên cạnh đó lãi suất chia

theo 02 giai đoạn: từ ngày 01/12/2010 đến trước ngày 01/01/2017 áp dụng Điều 476 BLDS 2005 để xác định lãi, lãi suất (9%/năm), từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa tuyên án sơ thẩm (09/02/2021) áp dụng Điều 468 BLDS 2015 để tính lãi suất (10%/năm), dẫn đến bản án tính sai số tiền bà T phải trả, án phí bà T bà H phải trả. Bà T phải chịu số tiền án phí 6.955.762 đồng, bà H phải chịu án phí 15.066.737đồng.

Từ những phân tích trên nhận thấy: kháng cáo của bà H không có căn cứ để chấp nhận; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T về việc tính số ngày chậm trả và mức lãi suất, cần sửa bản sơ thẩm về số ngày chậm trả, lãi suất, tính số tiền bà T phải trả.

- Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn Đỗ Thị Hiện, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà H về số tiền 24.000.000 đồng, đình chỉ giải quyết đối với khoản vay 30 .000.000 đồng giữa bà Đỗ Thị Hiện đối với bà Bùi Thị Tơ.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Bùi Thị Tơ về việc Tòa án sơ thẩm tính sai số ngày chậm trả và mức lãi suất. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS 2015: Sửa một phần bản án sơ thẩm về số ngày chậm trả, lãi suất chậm trả, tính số tiền bà T phải trả.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim do bà không phải là người trực tiếp bán diện tích đất 2000 m^2 cho bà Bùi Thị Tơ, bà không yêu cầu phần quyền lợi của mình nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với anh Khúc Minh Hoàng là người mua lại diện tích đất của bà Bùi Thị Tơ nhưng anh H vắng mặt không có lời trình bày và vắng mặt tại phiên toà nên không có căn cứ để xem xét giải quyết phần liên quan của anh H trong vụ án này. Anh H có quyền yêu cầu Toà án giải quyết quyền lợi của mình bằng vụ án khác khi có đầy đủ tài liệu chứng cứ.

[3].Về án phí

- Án phí DSST: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về án phí DSPT: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS

Hủy một phần và Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 05+09/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và xử như sau:

Áp dụng các Điều 175,264,467, 468, 470, 471,474 Bộ luật dân sự năm 1995;

Áp dụng các Điều 122, 256, 290, 471, 472, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 466, 468 BLDS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271 và 273Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ mục 1 Điều 3; mục 1, Điều 4, điểm a, mục 3, Điều 6 Nghị Quyết 01 ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Công văn số: 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 về việc mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hiện và huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với khoản vay 30.000.000 đồng bà H cho rằng là khoản tiền bà H mua chung đất với bà Bùi Thị Tơ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hiện đối với bà Bùi Thị Tơ. Buộc bà Bùi Thị Tơ phải trả cho bà Đỗ Thị Hiện tổng số tiền là: 47.024.876 đồng + 33.309.286 đồng + 58.781.095đồng = ***139.115.257 đồng (một trăm ba mươi chín triệu, một trăm mười lăm nghìn, hai trăm năm mươi bẩy đồng).***

- Anh Khúc Minh Hoàng có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác đối với phần quyền lợi có liên quan trong vụ án này khi có tài liệu chứng cứ chứng minh.

- Án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Tơ phải chịu số tiền án phí: 6.955.000 đồng

Bà H phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu đối với số tiền 160.884.743 đồng, án phí là 8.044.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp hai lần là lần thứ nhất: 1.775.000 đồng (*Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số: 00099 ngày 18/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Lần thứ hai: Số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là: 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn*

đồng), theo biên lai thu tiền số: 00458 ngày 24/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Bà H phải nộp số tiền là: 6.869.000 đồng án phí sơ thẩm.

+ Án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Hiện và bà Bùi Thị Tơ không phải chịu phí phúc thẩm. Trả lại bà Đỗ Thị Hiện 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số:AA/2012 00599 ngày 25/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trả lại bà Bùi Thị Tơ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2012 00644 ngày 15/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành án kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Bình

Nơi nhận:
- *TAND huyện Ba Vì;*
- *VKSND TP.Hà Nội*
- *CCTHADSH Ba Vì;*
- *Cục THATP Hà Nội*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ, VP.*

VIỆN KIỂM SÁT ND TỐI CAO

VIỆN KIỂM SÁT ND TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PB-VKS-DS-P9

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2021

PHÁT BIỂU

Của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án Dân sự

Căn cứ Điều 27 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ các điều 58, 294, 302 và 306 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hôm nay, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về *"**Tranh chấp đòi tài sản"*** giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hiện, Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Kim Đái 2, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

- *Người đại điện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Yến, Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 2, xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Đình Thưởng và Luật sư Đinh Thị Dựu (tức Dịu) - Công ty Luật TNHH H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Bị đơn: Bà Bùi Thị Tơ, Sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn Quảng Phúc, xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

- *Người đại điện theo ủy quyền của bị đơn:* Chị Phạm Thị Hường, Sinh năm 1982 (Đại diện theo ủy quyền)

Địa chỉ:

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Trần Văn Việt - Công ty Luật TNHH Minh Hoàng và Cộng sự

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Bà Nguyễn Thị Kim, Sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn Nghĩa Sơn, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

2, Anh Khúc Minh Hoàng, Sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 12 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Vụ án do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 145/2021/TB-TLVA ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội,

Bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 05 - 09/02/2021 của Toà án nhân dân huyện Ba Vì quyết định:

"1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hiện đối với bà Bùi Thị Tơ.

2/ Buộc bà Bùi Thị Tơ phải trả cho bà Bùi Thị Hiện tổng số tiền 136.300.548đ, làm tròn = 136.300.500đ (Một trăm ba sáu triệu ba trăm nghìn năm trăm đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3/ Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4/ Giành quyền khởi kiện cho anh Khúc Minh Hoàng bằng một vụ án khác đối với phần quyền lợi có liên quan trong vụ án này.

5/ Án phí: Bà Bùi Thị Tơ phải chịu số tiền án phí 6.815.000đ (Sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Bà H phải chịu án phí phần yêu cầu bị bác là 15.207.000đ (Mười lăm triệu hai trăm linh bảy nghìn đồng)…"

Ngoài ra Toà án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Kháng cáo: Cả nguyên đơn - bà Đỗ Thị Hiện và bị đơn - bà Bùi Thị Tơ đều làm đơn kháng cáo đối với bản án trên.

- Ngày 19/02/2021, bà Đỗ Thị Hiện làm đơn *kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.* Bà H không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết yêu cầu bà T phải trả cho bà H tổng cả tiền gốc, tiền lãi và tiền lãi do bán đất là 440.450.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ngày 08/3/2021, bà Bùi Thị Tơ làm đơn *kháng cáo một phần bản án sơ thẩm* về việc tính thời gian chậm trả và mức lãi suất để tính tiền lãi của số tiền 71 triệu đồng. Theo bà T, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian bà T chậm trả

tiền cho bà H là 3.730 ngày và lấy mức lãi suất 9%/năm để tính tiền lãi là hoàn toàn vô lý và không có cơ sở, do giữa bà T và bà H không có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn thanh toán tiền. Bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tuyên hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm trên đối với phần tính số ngày chậm trả là 3.730 ngày và mức lãi suất 9%/năm thành tiền là 57.591.781đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng)..

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm và xem xét kháng cáo của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

I. TÍNH CÓ CĂN CỨ VÀ HỢP PHÁP CỦA KHÁNG CÁO

- Về hình thức kháng cáo:

Ngày 09/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tuyên án. Bà H và bà T đều vắng mặt tại phiên tòa và khi tuyên án. Bản án được niêm yết tại trụ sở Tòa án ngày 01/3/2021. Căn cứ Biên bản giao nhận của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, bà H nhận bản án sơ thẩm ngày 25/02/2021 (con trai nhận thay và cam kết giao lại trong ngày cho mẹ), bà T nhận bản án sơ thẩm ngày 04/3/2021. Ngày 22/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tiếp nhận đơn kháng cáo của bà H. Ngày 10/3/2021, Tòa án tiếp nhận đơn kháng cáo của bà T. Như vậy kháng cáo của bà H và bà T đều nằm trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Ngày 25/02/2021, bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì. Ngày 15/3/2021, bà T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cụ thi hành án dân sự.

- Xét nội dung đơn kháng cáo:

Nguyên đơn - bà Đỗ Thị Hiện *kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm,* yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết yêu cầu bà T phải trả cho bà H tổng cả tiền gốc, tiền lãi và tiền lãi do bán đất là 440.450.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn - bà Bùi Thị Tơ *kháng cáo một phần bản án sơ thẩm,* yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần tính số ngày chậm

trả là 3.730 ngày và mức lãi suất 9%/năm thành tiền là 57.591.781đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng)..

Như vậy, xét về hình thức kháng cáo hợp lệ do những người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, kháng cáo nằm trong thời hạn quy định; về nội dung, kháng cáo nằm trong phạm vi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử nên được xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hiện rút một phần kháng cáo về phần tính lãi của số tiền 24 triệu đồng, đồng thời rút một phần kháng cáo và rút đơn khởi kiện về số tiền 30 triệu đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 298 BLTTDS đề nghị Tòa án chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà H về số tiền 24 triệu đồng, đình chỉ và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với khoản vay 30 triệu đồng.

II. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG CỦA NHỮNG NGƯỜI TIẾN HÀNH TỐ TỤNG VÀ NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN Ở GIAI ĐOẠN PHÚC THẨM

Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

- *Việc thụ lý vụ án, giao, nhận Thông báo thụ lý vụ án cho VKS và cho các đương sự:* Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 285 BLTTDS về giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho VKS (tuy nhiên hồ sơ chưa có biên bản giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự).

- *Việc gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu:* Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chuyển hồ sơ kèm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho VKSND thành phố Hà Nội (Phòng 9) theo đúng thời hạn quy định tại Điều 290, 292 BLTTDS.

- *Về thu thập tài liệu, chứng cứ:* Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, quy định tại Điều 97 BLTTDS (lấy lời khai của đương sự).

- *Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử:* Toà án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 286 BLTTDS (Toà án thụ lý vụ án từ ngày 12/4/2021, đến ngày 28/4/2021 ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo quy định).

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử phúc thẩm vụ án, cụ thể:

- Thư ký đã phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra sự vắng mặt, có mặt của các đương sự được triệu tập đúng theo quy định tại Điều 237 BLTTDS;

- Phần tranh tụng tại phiên tòa đúng quy định tại Điều 301, 305 BLTTDS*;*

- Trình tự phiên tòa phúc thẩm đúng quy định tại Chương XVII BLTTDS

**** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự***

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS năm 2015.

III. QUAN ĐIỂM CỦA VIỆN KIỂM SÁT VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Các đương sự đều giữ nguyên quan điểm và không thỏa thuận được với nhau về việc vụ án nên cần xem xét cụ thể các chứng cứ và yêu cầu của đương sự như sau:

Xét thấy lời khai (trình bày) của bà H và bà T thống nhất với nhau về việc bà H đã cho bà T vay tiền nhiều lần, tổng số tiền là ***71.000.000đ*** *(Bảy mươi mốt triệu đồng)*, gồm số tiền *24 triệu đồng* bà H đưa bà T ngày 03/4/2003 để mua đất làng cũ; số tiền *30 triệu đồng* bà H đưa cho bà T để mua chung đất nhà ông Lâm (đưa làm 03 lần: Ngày 12/8/2003, bà H đưa 5 triệu đồng, ngày 14/8/2003, bà H đưa 5 triệu đồng. ngày 04/9/2003, bà H đưa 20 triệu đồng) và số tiền *17 triệu đồng* bà H cho bà T vay ngày 01/6/2005. Khi vay tiền trong giấy *vay tiền không ghi lãi, không kỳ hạn* trả tiền, khi đưa tiền các bên chỉ viết giấy tay, bà T thừa nhận bà ký vào các giấy vay tiền trên và không bị cưỡng bức, đe dọa khi ký vào giấy vay. Như vậy, giấy vay tiền giữa bà H và bà T có giá trị về mặt pháp lý.

- Đối với số tiền 24 triệu đồng, bà H yêu cầu bà T trả lại số tiền gốc và lãi 1,5%/tháng là 61,2 triệu đồng tính từ ngày nhận tiền 03/4/2003 đến ngày 05/02/2021. Tổng cộng gốc và lãi là 85,2 triệu đồng.

- Đối với số tiền 17 triệu đồng, bà H yêu cầu bà T trả lại số tiền gốc và lãi 1,5%/tháng là 38,25 triệu đồng tính từ ngày 16/6/2005 đến ngày 05/02/2021. Tổng cộng gốc và lãi là 55,25 triệu đồng.

- Đối với số tiền mua chung đất nhà ông Lâm là 30 triệu đồng, bà T đã công nhận là mua chung nhưng hiện nay đã bán đất cho anh Khúc Minh Hoàng nhưng không trả tiền cho bà H. Nay bà H yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền gốc là 30 triệu đồng và tiền lãi do bán đất là 270 triệu đồng, tổng cộng là 300 triệu đồng.

1/ Xét thấy đối với số tiền 24 triệu đồng bà H đưa cho bà T mua đất làng cũ, xác định đây là thỏa thuận góp vốn mua chung đất giữa bà H và bà T. Do bà H không xác định được bà T mua đất làng cũ của ai và bà T không thông báo với bà H đã mua đất của ai với số tiền bao nhiêu nên không có căn cứ chia lãi khi bà T bán đất làng cũ. Việc bà T mua bán đất làng cũ không thông qua chính quyền địa phương nên không thể khẳng định việc bà T đã mua được đất làng cũ và đất của bà T là đất khai hoang lâu năm thuộc trường bắn Đồng Doi, hiện nay Trường sỹ quan Lục quân I chưa thực hiện việc thu hồi và hỗ trợ đối với dự án Trường bắn Đồng Doi nên việc bà H đòi lại số tiền góp vốn mua chung là có căn cứ, tuy nhiên không chấp nhận khoản tiền lãi tính trên lãi suất 1,5%/tháng là 61,2 triệu đồng tính từ ngày nhận tiền 03/4/2003 đến ngày 05/02/2021. Bà T chỉ phải trả cho bà H số tiền gốc 24 triệu đồng và số tiền lãi (chậm trả) tính từ thời điểm bà T thừa nhận có tranh chấp là năm 2010 (thời điểm bà H đã kiện bà T ra Công an xã Kim Sơn, Sơn Tây), nên lấy thời điểm tháng12/2010 để tính thời điểm chậm trả, thời gian chậm trả tính từ ngày 01/12/2010 ***đến thời điểm xét xử sơ thẩm - ngày Tòa tuyên án 09/02/2021 là 3.724 ngày***.

Căn cứ Điều 467, 468, 470, 474 BLDS 1995, *điểm c mục 1 Điều 2*, mục 1 Điều 3 và điểm a mục 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2016 - ***2.223 ngày***), căn cứ

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất 10%/năm (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 09/02/2021 - ***1.501 ngày***).

Số tiền chậm trả là (24.000.000đ x 2223 ngày x 9%/năm) + (24.000.000đ x 1501 ngày x 10%/năm) = 13.155.287đ + 9.869.589đ = **23.024.876đ**

Như vậy, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 24.000.000đ và số tiền chậm trả **23.024.876đ**, tổng là **47.024.876đ**

2/ Đối với số tiền bà H cho bà T vay 17 triệu đồng ngày 01/6/2005, đây là Hợp đồng không xác định thời hạn và không thỏa thuận về lãi vay. *Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 18/6/2020 của bà Bùi Thị Tơ tại TAND huyện Ba Vì, bà T thừa nhận có vay của bà H số tiền 17 triệu đồng trên. Căn cứ quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đây là trường hợp được tính bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện do "bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện". Do đó, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 19/6/2020 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.*

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại K2 Đ468 BLDS 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...

Theo bà H thì hai bên thỏa thuận miệng 10 ngày bà T sẽ trả nợ cho bà H nhưng đến nay bà H không có cơ sở chứng minh được thời điểm bà T phải trả nợ nên tương tự như trường hợp ở trên, bà T chỉ phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 17 triệu đồng và số tiền chậm trả tính từ ngày 01/12/2010 đến ngày 09/02/2021 với lãi suất 9%/năm (từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2016 - ***2.223 ngày***) và lãi suất 10%/năm (từ ngày 01/01/2017 đến 09/02/2021 - ***1.501 ngày***).

Số tiền chậm trả là (17.000.000đ x 2223 ngày x 9%/năm) + (17.000.000đ x 1501 ngày x 10%/năm) = 9.318.328đ + 6.990.958đ = **16.309.286đ**

Như vậy, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 17.000.000đ và số tiền chậm trả 16.309.286đ, tổng là **33.309.286đ**

3/ Đối với số tiền 30 triệu đồng bà H đưa cho bà T để góp vốn mua chung đất nhà ông Lâm. Hiện việc bà T giao dịch, mua bán với ông Lâm không rõ ràng, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, đất không rõ diện tích, loại đất. Việc bà T giao dịch với ông Hoàng cũng chỉ là giấy viết tay chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận nên chưa có căn cứ để xác định việc mua bán nhà đất giữa bà T với ông Lâm và giữa bà T với ông Hoàng nên buộc bà T phải trả lại số tiền góp vốn cho bà H và số tiền chậm trả thời điểm và lãi suất tương tự như trường hợp trên

Số tiền chậm trả là (30.000.000đ x 2223 ngày x 9%/năm) + (30.000.000đ x 1501 ngày x 10%/năm) = 16.444.109đ + 12.336.986đ = **28.781.095đ**

Như vậy, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 30.000.000đ và số tiền chậm trả 28.781.095đ, tổng là **58.781.095đ**

Tổng cộng bà T phải trả cho bà H tổng số tiền: 47.024.876đ + 33.309.286đ + 58.781.095đ = **139.115.257đ.**

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T, buộc bà T phải trả cho bà H số tiền gốc 71 triệu đồng, nhưng không chấp nhận phần lãi do bà H yêu cầu đối với nợ trên, lãi suất chỉ tính theo lãi suất của ngân hàng từ thời điểm 01/12/2010 đến thời điểm xét xử và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 270 triệu đồng tiền lãi do bà T bán đất là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên bản án sơ thẩm của Tòa án tính sai số ngày chậm trả: Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 09/02/2021 (Tòa tuyên án) chỉ là 3.723 ngày, không phải 3.730 ngày như trong bản án, bên cạnh đó lãi suất chia theo 02 giai đoạn: từ ngày 01/12/2010 đến trước ngày 01/01/2017 áp dụng Điều 476 BLDS 2005 để xác định lãi, lãi suất (9%/năm), từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa tuyên án sơ thẩm (09/02/2021) áp dụng Điều 468 BLDS 2015 để tính lãi suất (10%/năm), dẫn đến bản án tính sai số tiền bà T phải trả, án phí bà T bà H phải trả. Bà T phải chịu số tiền án phí **6.955.762đ**, bà H phải chịu án phí **15.066.737đ.**

Từ những phân tích trên nhận thấy: kháng cáo của bà H không có căn cứ để chấp nhận; chấp nhận một phần kháng cáo của bà T về việc tính số ngày chậm trả và mức lãi suất, cần sửa bản sơ thẩm về số ngày chậm trả, lãi suất, tính số tiền bà T phải trả, án phí như phân tích ở trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử :

- Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn Đỗ Thị Hiện, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà H về số tiền 24 triệu đồng, đình chỉ và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với khoản vay 30 triệu đồng.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Bùi Thị Tơ về việc Tòa án tính sai số ngày chậm trả và mức lãi suất. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS 2015 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm về số ngày chậm trả, lãi suất chậm trả, tính số tiền bà T phải trả, án phí đối với bà H, bà T như phân tích ở trên.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Lưu HSKS.

KIỂM SÁT VIÊN

Nguyễn Như Quỳnh